

ĐA DẠNG NGUỒN GEN CÂY THUỐC CỦA DÂN TỘC MƯỜNG, THU THẬP LƯU GIỮ VÀ BẢO TỒN TẠI TỈNH THANH HÓA NĂM 2021

Đào Văn Châu¹, Lê Hùng Tiến¹, Phạm Văn Năm¹, Nguyễn Trọng Chung¹

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu đã chỉ ra sự đa dạng nguồn gen cây thuốc dân tộc Mường thông qua khảo sát, thu thập tại hai huyện Cẩm Thủy và Ngọc Lặc nhằm mục đích lưu giữ và bảo tồn năm 2021. Kết quả khảo sát được 53 loài thuộc 51 chi 29 họ thực vật với phổ dạng sống là: SB = 71,7%Ph + 16,98Lp + 5,67%Cr + 3,78%Hm + 1,89%Th. Trong đó, có 20 loài sử dụng cả cây, 14 loài sử dụng cành non và lá, 5 loài sử dụng rễ củ, 5 loài sử dụng vỏ cây, 1 loài sử dụng hoa, 4 loài sử dụng quả và 4 loài dùng thân. Kết quả này cho thấy mức độ đa dạng về thành phần loài, dạng sống, bộ phận sử dụng, công dụng làm thuốc các nguồn gen đồng bào người Mường sử dụng tại huyện Ngọc Lặc và huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Từ khóa: Đa dạng, nguồn gen, cây thuốc, huyện Ngọc Lặc, huyện Cẩm Thủy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nguồn tài nguyên thực vật phong phú và đa dạng ở Việt Nam, cây thuốc có một vị trí và vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Cho đến nay Việt Nam được ghi nhận có 6784 loài thực vật và nấm, có công dụng làm thuốc. Nguồn gen cây thuốc ở Việt Nam không những đa dạng về thành phần loài, chủng, giống, dưới loài mà còn rất đa dạng theo các vùng sinh thái. Bên cạnh đó, đa dạng nguồn gen cây thuốc còn thể hiện ở phần lớn số loài thực vật sử dụng làm thuốc ở Việt Nam được ghi nhận dựa trên tri thức và kinh nghiệm sử dụng của các dân tộc ở khắp các vùng miền trên toàn quốc.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, ông cha ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về điều trị và phòng bệnh bằng bài thuốc của đồng bào dân tộc thiểu số rất có hiệu quả, mà ngày nay chúng ta cần phải học tập, thừa kế, khai thác phát huy những kinh nghiệm, những bài thuốc quý đó nhằm nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Với phương châm kết hợp giữa y học hiện đại với thuốc Mường là một trong những phương châm cơ bản của nền y học nước ta, mang ba tính chất khoa học, dân tộc và đại chúng. Tỉnh Thanh Hóa là một tỉnh Bắc Trung Bộ, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều nhất với đồng bào người Mường chiếm 8,7%. Đáng chú ý tại 2 huyện Cẩm Thủy, Ngọc Lặc dân tộc Mường chiếm 66,7% dân số. Kinh nghiệm chữa bệnh của các ông lang, bà mẹ cũng là một nét đặc trưng, góp phần duy trì tri thức bản địa từ đời này qua đời khác của đồng bào các dân tộc nơi đây [4]. Tuy nhiên, trong những năm gần đây thực trạng khai thác tràn lan và sự thiếu ý thức của một số cá nhân, tổ chức đã làm nguồn tài nguyên dược liệu ngày một cạn kiệt, một số loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng

¹ Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Bắc Trung Bộ, Viện Dược liệu; Email: chauson96@gmail.com

Đứng trước tình hình đó, cần có các biện pháp nghiên cứu, bảo tồn lưu giữ đa dạng các nguồn gen có giá trị dược liệu. Một trong các phương pháp có hiệu quả, được sử dụng phổ biến là điều tra khảo sát, thu thập, lưu giữ và nhân giống các nguồn gen được thực hiện với nhiệm vụ “Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen cây thuốc Thanh Hóa 2021”.

2. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Các nguồn gen cây thuốc của đồng bào người Mường tại huyện Cẩm Thủy, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian nghiên cứu: Thực hiện từ 01/2021 đến 11/2021.

Địa điểm tại huyện Cẩm Thủy và huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Địa điểm thu mẫu: 2 điểm gồm làng Ma, làng Minh xã Quảng Trung huyện Ngọc Lặc và 2 điểm làng Liên Sơn, làng Mòng huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa. Các điểm lên kế hoạch thực hiện dựa vào thông tin Hội Đồng y huyện cung cấp.

Điều tra khảo sát, thu thập nguồn gen các loài cây thuốc theo quy trình điều tra cây thuốc của Viện Dược liệu, nguồn gen có thể là cây giống, hom giống, hạt giống [9].

Điều tra thực trạng khai thác, tiêu dùng các nguồn gen Y học cổ truyền bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp người dân, Lương Y.

Thu thập, xác định tên khoa học bằng phương pháp xây dựng thông tin, dữ liệu loài (hình ảnh, địa điểm thu thập) so sánh hình thái, kết hợp với các khóa phân loại trong thực vật chí Việt Nam [2][7][8][9][11; tr.57-72].

Đối chiếu, xác minh giá trị làm thuốc các nguồn gen theo các tài liệu chính thống sau khi xác định tên khoa học [1][3][5][6].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng về thành phần loài

Kết quả điều tra, thu thập, và định danh tên khoa học các nguồn gen thuốc Mường của huyện Ngọc Lặc và Cẩm Thủy, đã xác định được 53 loài thuộc 51 chi, 29 họ.

Bảng 1. Danh sách các nguồn gen khảo sát được đồng bào Mường sử dụng làm thuốc tại 2 huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	DS	Bộ phận sử dụng	Công dụng làm thuốc
1	Kiến cò, Bạch hạc	<i>Rhinacanthus nasutus</i> (L.) Kurz	Acanthaceae	Na	Cả cây	Hắc lào, lờ, rắn cắn. Hạ huyết áp, chữa viêm phế quản, lao phổi ở giai đoạn đầu, ho, phong thấp, tê bại, nhức gân, đau xương, viêm khớp.

2	Chi Quả nỏ	<i>Ruellia</i> sp.	Acanthaceae	Na	Cả cây	Bong gân
3	Thôi ba, Thôi chanh, Quảng trung quốc	<i>Alangium chinense</i> (Lour.) Harms	Alangiaceae	Mi	Cả cây	Đau xương, mỏi gối, rần rần, đờn ngã tổn thương.
4	Lá giang **	<i>Aganonerion polymorphum</i> Pierre	Apocynaceae	Na	Cả cây	Chữa ngộ độc Sán. Lá nấu canh chua có tác dụng mát, bổ và chữa sỏi thận.
5	Lý trâu **	<i>Marsdenia rostrata</i> R.Br.	Apocynaceae	Lp	Cả cây	Chữa đau dạ dày, đầy hơi.
6	Chi Sừng trâu *	<i>Strophanthus</i> sp.	Apocynaceae	Lp	Cả cây	Chữa huyết quản xơ cứng.
7	Chi Dây gù **	<i>Willughbeia</i> sp.	Apocynaceae	Lp	Thân	Chữa lỵ, đau gan, bạch đới, băng huyết, rong kinh, ghê, đau răng.
8	Nưa chuông *	<i>Amorphophallus paeoniifolius</i> (Dennst.) Nicolson	Araceae	Cr	Củ	Kích thích tiêu hóa, lợi trung tiện. Củ độc, chú ý khi sử dụng.
9	Chân chim	<i>Schefflera alongensis</i> R. Vig.	Araliaceae	Na	Vỏ	Dùng làm thuốc bổ, chữa cảm sốt, họng sưng đau, thấp khớp, giảm sưng đau.
10	Đu đủ rừng	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Vis.	Araliaceae	Mi	Lá	Thuốc lợi sữa, phụ nữ sau khi sinh, chữa phù thũng, đái dầm, tê thấp, hạ nhiệt, lá nấu nước xông chữa bại liệt hoặc giã bó gãy xương.
11	Lá nón bạch mã	<i>Licuala bachmaensis</i> A.J.Hend., N.K.Ban & N.Q.Dung	Arecaceae	Mi	Vỏ	Chữa lao phổi
12	Mật cật	<i>Rhapis excelsa</i> (Thunb.) Henry ex Rehd.	Arecaceae	Na	Rễ	Kiết lỵ, chảy máu mũi, khạc ra máu, sản hậu băng huyết.
13	Ba dột, Mần tưới, Cà dốt, Ba dốt	<i>Ayapana triplinervis</i> (Vahl)	Asteraceae	Th	Cả cây	Chữa cảm sốt, rối loạn tiêu hoá, đau bụng.

		R.M.King & H.Rob.				
14	Rau dớn	<i>Diplazium esculentum</i> (Retz) Sw	Athyriaceae	Hm	Lá	Cầm máu, hàn vết thương, sưng tấy.
15	Thiết đỉnh, Kê đuôi nhông **	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem.	Bignoniaceae	Mg	Hoa	Chữa sốt cao
16	Bún thiêu	<i>Crataeva religiosa</i> Forst	Capparaceae	Me	Lá	Chữa viêm mũi. Viêm gan, ỉa chảy, sốt rét, phong thấp.
17	Sỏ bà	<i>Dillenia indica</i> L.	Dilleniaceae	Me	Quả	Ho, phù thũng, sốt rét, nhuận tràng, đái dầm.
18	Dây chiêu	<i>Tetracera scandens</i> (L.) Merr.	Dilleniaceae	Na	Cả cây	Chữa tê thấp, ứ huyết, đau bụng, phù thũng, gan lách sưng to, bạch đới.
19	Tai tượng đuôi chồn, Tai tượng xanh	<i>Acalypha hispida</i> Burm.f.	Euphorbiaceae	Na	Cả cây	Cầm máu, hủi, ỉa chảy, giảm đau, ung nhọt, tiêu hoá, ho, hen.
20	Tai tượng đỏ	<i>Acalypha wilkesiana</i> Müll. Arg.	Euphorbiaceae	Na	Cả cây	Giun, ghẻ, tê thấp, nhuận tràng.
21	Cù đèn **	<i>Croton persimilis</i> Müll.Arg.	Euphorbiaceae	Me	Cả cây	Chữa đau lưng, nhức xương thấp, bốn mùa cảm mạo, đau bụng.
22	Bục trắng, Ba bét trắng	<i>Mallotus apelta</i> (Lour.) Müll.Arg.	Euphorbiaceae	Mi	Vỏ	Rửa vết thương, chữa viêm tá tràng, viêm gan, xa tử cung, ỉa chảy.
23	Kê huyết đằng	<i>Millettia dielsiana</i> Harms	Fabaceae	Lp	Thân	Bổ máu, phong thấp.
24	Thóc lép, Tràng quả	<i>Pleurolobus gangeticus</i> (L.) J.St.-Hil. ex H.Ohashi & K.Ohashi	Fabaceae	Na	Cả cây	Sỏi thân, mật, chữa rắn cắn.
25	Dây móng bò	<i>Phanera khasiana</i> (Baker) Thoth.	Fabaceae	Lp	Thân	Đái ra máu
26	Đuôi chồn, đuôi chó	<i>Uraria crinita</i> (L.) Desv. ex DC.	Fabaceae	Na	Cả cây	Chữa tê thấp, sốt, trĩ, cảm lạnh, ho, bệnh giun chỉ, nôn ra máu, ho ra máu.

27	Đuôi ngựa	<i>Rhoiptelea chiliantha</i> Diels & Hand. -Mazz.	Juglandaceae	Me	Cành non, lá	Bong gân, gãy xương
28	Các dục lông **	<i>Aspidopterys tomentosa</i> (Blume) A. Juss.	Malpighiaceae	Lp	Thân	Đau bụng
29	Cây dùi đục	<i>Hiptage benghalensis</i> (L.) Kurz	Malpighiaceae	Mi	Cành non, lá	Bó gãy xương, liền gân
30	Thâu kén lông, Tổ kén lông, An xoa **	<i>Helicteres hirsuta</i> Lour.	Malvaceae	Na	Cả cây	Sởi, ỉa chảy, lỵ, lở ngứa, đái dầm.
31	Dướng, Rét	<i>Broussonetia papyrifera</i> (L.) L'Hér. Ex Vent.	Moraceae	Mi	Quả	Thuốc nhuận tràng, bổ, an thần.
32	Ngái	<i>Ficus hispida</i> L.f.	Moraceae	Me	Vỏ	Lỵ, ỉa chảy, tê thấp, đau lưng
33	Đơn nem	<i>Maesa indica</i> (Roxb.) A. DC	Myrsinaceae	Mi	Cành non, lá	Chữa sốt trẻ em
34	Chi Trâm	<i>Syzygium laosense</i> (Gagnep.) Merr. et Perry	Myrtaceae	Mi	Vỏ	Lỵ, ỉa chảy và vết thương chảy máu do dao chém
35	Ráng sọc gà	<i>Pteris ensiformis</i> Burm.	Pteridaceae	Hm	Cả cây	Kiết lỵ, lở loét
36	Găng vàng	<i>Canthium horridum</i> Blume	Rubiaceae	Mi	Rễ	Thuốc điều kinh, sát trùng, lợi tiểu
37	Dạ cảm	<i>Hedyotis auricularia</i> L.	Rubiaceae	Na	Cả cây	Chữa viêm ruột, ỉa chảy, kiết lỵ, rắn cắn, cảm
38	Bướm bạc	<i>Mussaenda pubescens</i> Ait. f.	Rubiaceae	Na	Cả cây	Thuốc lợi tiểu, sốt
39	Gai tầm xoong, Quýt gai **	<i>Atalantia buxifolia</i> (Poir.) Oliv. ex Benth.	Rutaceae	Me	Quả	Chữa bệnh về đường hô hấp, ho hen, cảm sốt, thấp khớp, rắn cắn.
40	Cơm rượu lá mậ	<i>Glycosmis crassifolia</i> Ridl.	Rutaceae	Mi	Cành non, lá	Chữa tê thấp, cảm lạnh, đau dạ dày, đau thoát vị.
41	Kim sương, Chùm hôi trắng	<i>Micromelum minutum</i> (G.Forst.) Wight & Arn.	Rutaceae	Mi	Cành non, lá	Chữa cảm, đau họng, ho, hen, tê thấp, suy nhược thần kinh, chân tay co quắp.

42	Muồng trưởng **	<i>Zanthoxylum avicennae</i> (Lam.) DC.	Rutaceae	Na	Quả	Chữa đau dạ dày, đau bụng. Đau thắt lưng, viêm tuyến vú, viêm mũ da, mụn nhọt.
43	Xuyên tiêu	<i>Zanthoxylum nitidum</i> (Roxb.) DC	Rutaceae	Na	Cả cây	Giun, tả, đau bụng, hen, bỏ, sốt. Đau răng, phong thấp.
44	Mác cá xanh	<i>Allophylus viridis</i> Radlk.	Sapindaceae	Mi	Lá	Thuốc liền gân.
45	Dạ hương*	<i>Cestrum nocturnum</i> L.	Solanaceae	Na	Cả cây	Chữa kinh phong.
46	Bích nữ nhon, Trôm leo	<i>Ayenia grandifolia</i> (DC Christenh. & Byng	Sterculiaceae	Lp	Cành non, lá	
47	Cò ke	<i>Grewia paniculata</i> L.	Tiliaceae	Mi	Cành non, lá	Chữa thấp khớp.
48	Bọ mảy, Đảng cây	<i>Clerodendrum cyrtophyllum</i> Turcz.	Verbenaceae	Na	Cành non, lá	Chữa suy nhược, tê thấp, ban, sỏi, lị, ghê.
49	Cách chevalieri, Cách vàng	<i>Premna chevalieri</i> Dop	Verbenaceae	Na	Cành non, lá	Chữa vàng da, phù thũng, đau khớp và bại liệt.
50	Ngũ thảo, Quan âm	<i>Vitex negundo</i> L.	Verbenaceae	Mi	Lá	Giải nhiệt, cảm, sốt rét, viêm ruột, lỵ.
51	Chi Vác	<i>Cayratia</i> sp.	Vitaceae	Lp	Cả cây	Trẹo gân, vết thương. Tê thấp. Đái ra máu.
52	Địa liền tím **	<i>Kaempferia parviflora</i> Wall. ex. Baker	Zingiberaceae	Cr	Củ	Chữa đau dạ dày, làm thuốc tăng cường nội tiết tố sinh dục nam.
53	Gừng gió	<i>Zingiber zerumbet</i> (L.) Roscoe ex Sm.	Zingiberaceae	Cr	Củ	Thuốc dễ tiêu, điều kinh, chữa thổ tả, đau nhức gân cơ.

(*) Các nguồn gen cần thận khi sử dụng liều lượng, bộ phận sử dụng; (**) các nguồn gen bị khai thác nhiều; (DS) Dạng sống; (Th) cây chồi 1 năm; (Cr) cây chồi ẩn; (Hm) cây chồi nửa ẩn; (Ph) cây chồi trên; (Me) cây chồi trên vừa; (Mg) cây chồi trên lớn; (Mi) cây chồi trên nhỏ; (Na) cây chồi trên bụi; (Lp) cây leo bò.

3.2. Phân bố loài trong các họ

Bảng 2. Tỷ lệ phân bố loài trong họ các nguồn gen thu thập

Bậc phân loại		Số loài	Tỷ lệ (%)
Họ	Chi		
Rutaceae	<i>Zanthoxylum</i>	2	9,43
	<i>Atalantia</i>	1	

	<i>Glycosmis</i>	1	
	<i>Micromelum</i>	1	
Euphorbiaceae	<i>Acalypha</i>	2	7,55
	<i>Croton</i>	1	
	<i>Mallotus</i>	1	
Apocynaceae	<i>Aganonerion</i>	1	7,55
	<i>Marsdenia</i>	1	
	<i>Strophanthus</i>	1	
	<i>Willughbeia</i>	1	
Fabaceae	<i>Millettia</i>	1	7,55
	<i>Pleurolobus</i>	1	
	<i>Phanera</i>	1	
	<i>Uraria</i>	1	
Verbenaceae	<i>Clerodendrum</i>	1	5,66
	<i>Premna</i>	1	
	<i>Vitex</i>	1	
Rubiaceae	<i>Canthium</i>	1	5,66
	<i>Hedyotis</i>	1	
	<i>Mussaenda</i>	1	
Acanthaceae	<i>Rhinacanthus</i>	1	3,77
	<i>Ruellia</i>	1	
Araliaceae	<i>Schefflera</i>	1	3,77
	<i>Trevesia</i>	1	
Arecaceae	<i>Licuala</i>	1	3,77
	<i>Rhapis</i>	1	
Malpighiaceae	<i>Aspidopterys</i>	1	3,77
	<i>Hiptage</i>	1	
Moraceae	<i>Broussonetia</i>	1	3,77
	<i>Ficus</i>	1	
Zingiberaceae	<i>Kaempferia</i>	1	3,77
	<i>Zingiber</i>	1	
Alangiaceae	<i>Alangium</i>	1	1,89
Araceae	<i>Amorphophallus</i>	1	1,89
Asteraceae	<i>Ayapana</i>	1	1,89
Athyriaceae	<i>Diplazium</i>	1	1,89
Bignoniaceae	<i>Markhamia</i>	1	1,89
Capparaceae	<i>Crataeva</i>	1	1,89
Dilleniaceae	<i>Dillenia</i>	1	1,89
Dilleniaceae	<i>Tetracera</i>	1	1,89
Juglandaceae	<i>Rhoiptelea</i>	1	1,89
Malvaceae	<i>Helicteres</i>	1	1,89
Myrsinaceae	<i>Maesa</i>	1	1,89
Myrtaceae	<i>Syzygium</i>	1	1,89
Pteridaceae	<i>Pteris</i>	1	1,89
Sapindaceae	<i>Allophylus</i>	1	1,89

Solanaceae	<i>Cestrum</i>	1	1,89
Sterculiaceae	<i>Ayenia</i>	1	1,89
Tiliaceae	<i>Grewia.</i>	1	1,89
Vitaceae	<i>Cayratia</i>	1	1,89
Tổng		53	100,00

Từ kết quả bảng 2 cho thấy có 53 loài thuộc 51 chi khác nhau (2 loài thuộc chi *Acalypha*, 2 loài thuộc chi *Zanthoxylum*) nằm trong 29 họ, họ Cam có số nguồn gen cao nhất có 5 loài chiếm 17,2%, họ Thủ đầu, họ Trúc đào, họ Đậu có 4 nguồn gen mỗi họ chiếm 13,8%, họ Cỏ roi ngựa, họ Cà phê có 3 nguồn gen chiếm 10,3% và các họ khác chiếm 20% số lượng còn lại.

3.3. Đa dạng về dạng sống

Bảng 3. Nhóm dạng sống của các nguồn gen cây thuốc Y học cổ truyền

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)	
Cây chồi một năm	Th	1	1,89	
Chồi ẩn	Cr	3	5,67	
Cây chồi nửa ẩn	Hm	2	3,78	
Cây chồi trên	Ph	38	71,7	
	Cây chồi trên vừa	Me	6	11,32
	Cây chồi trên lớn	Mg	1	1,89
	Cây chồi trên nhỏ	Mi	15	28,3
	Cây chồi trên bụi	Na	16	30,19
Cây Leo bò	Lp	9	16,98	

Từ số liệu bảng 3 cho thấy sự đa dạng về dạng sống các nguồn gen thuốc Mường với phổ dạng sống là : SB = 71,7%Ph+16,98Lp+5,67%Cr+3,78%Hm+1,89%Th. Với 38 nguồn gen chiếm 71,7% thuộc dạng sống cây chồi trên là chủ đạo, 9 loài chiếm 16,98% thuộc dạng sống Leo bò, 3 loài chiếm 5,67% dạng sống chồi ẩn, 2 loài chiếm 3,78% dạng sống chồi nửa ẩn và 1 loài chiếm 1,89% dạng sống chồi một năm.

3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng, công dụng làm thuốc

Bảng 4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của các nguồn gen thuốc Mường

TT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Cả cây	20	37,74
2	Cành non, lá	14	26,42
3	Củ	3	5,66
4	Vỏ	5	9,43
5	Hạt	0	0,00
6	Hoa	1	1,89
7	Nhựa	0	0,00
8	Rễ	2	3,77
9	Quả	4	7,55
10	Thân	4	7,55
Tổng		53	100,00

Cây dược liệu đóng nhiều vai trò trong hỗ trợ, chữa bệnh với nhiều hoạt chất chứa trên các bộ phận của cây. Theo phương pháp vấn đáp đã thống kê được bộ phận sử dụng của các nguồn gen bao gồm cành, lá, vỏ cây, rễ, củ, thân,... Với nhiều cách sử dụng khác nhau (Sắc, sử dụng trực tiếp, giã đắp, xông,...) cho thấy được sự đa dạng của các bộ phận sử dụng. Nhiều nhất với 20 nguồn gen chiếm 37,74% sử dụng cả cây, 14 nguồn gen chiếm 26,42% dùng cành non và lá, 5 nguồn gen chiếm 9,43% dùng vỏ thân, và 14 nguồn gen chiếm 26,42% dùng thân, quả, hoa, củ và rễ.

4. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra, thu thập lưu giữ bảo tồn nguồn gen thuốc Mường năm 2021 của Trung tâm nghiên cứu Dược liệu Bắc Trung Bộ khu vực Ngọc Lặc, Cẩm Thủy đã xác định được 53 loài thuộc 52 chi và 29 họ thực vật, trong đó:

Phổ dạng sống của các nguồn gen thuốc Mường khu vực Ngọc Lặc, Cẩm Thủy Thanh Hóa là: SB = 71,7%Ph + 16,98Lp + 5,67%Cr + 3,78%Hm + 1,89%Th;

Các nguồn gen trong khu vực nghiên cứu đa dạng về bộ phận sử dụng với 20 loài sử dụng cả cây, 14 loài sử dụng cành non và lá, 5 loài sử dụng rễ củ, 5 loài sử dụng vỏ cây, 1 loài sử dụng hoa, 4 loài sử dụng quả và 4 loài dùng thân cho thấy đa dạng về bộ phận sử dụng các nguồn gen trong khu vực nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tiến Bản, Trần Phương Anh, Trần Thế Bách (2007), *Sách Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tiến Bản (1997), *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín (Magnoliophyta, Angiospermae) ở Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [3] Đỗ Huy Bích, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2011), *Cây thuốc và động vật làm thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [4] Quốc Bảo, *Các dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hoá*, Trang thông tin điện tử Ban dân tộc Thanh Hoá, <http://bdt.thanhhoa.gov.vn/portal/pages/Cac-dan-toc-Thanh-Hoa.aspx>.
- [5] Bộ Y Tế (2017), *Dược điển Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội.
- [6] Võ Văn Chi (2018), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Khắc Khôi (2002), *Thực vật chí Việt Nam*, Quyển 3, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [8] Trần Đình Lý (2000), *Thực vật chí Việt Nam*, Quyển 5, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [9] Vũ Xuân Phương (2007), *Thực vật chí Việt Nam*, Quyển 6, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Nghĩa Thìn (2006), *Thực vật có hoa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [11] Viện Dược liệu (2013), *Kỹ thuật trồng cây thuốc*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

DIVERSITY OF GENETIC RESOURCES OF MEDICINE TRADITIONAL MEDICINE COLLECTED, STORED AND CONSERVED IN THANH HOA PROVINCE IN 2021

Dao Van Chau, Le Hung Tien, Pham Van Nam, Nguyen Trong Chung

ABSTRACT

In this study, we show the diversity of genetic resources of traditional medicinal plants collected in two districts of Cam Thuy and Ngoc Lac for the purpose of storing and preserving in 2021. The north central research centre for medicinal materials with the function of investigating and evaluating medicinal resources in the North Central region; researching on conservation, preserving of genetic resources and medicinal varieties, results of investigation, collection and propagation of traditional medicine plants from the task of "Storage and conservation of genetic resources of Thanh Hoa medicinal plants in 2021" in the region from January 2021 to November 2021, the central has obtained 53 species belonging to 51 genera and 29 families of plants with a spectrum of life forms: SB = 71.7%Ph + 16.98Lp + 5.67%Cr + 3.78%Hm + 1.89%Th, of which 20 species use the whole tree, 14 species use young branches and leaves, 5 species use tuberous roots, 5 species use bark, 1 species use flowers, 4 species use fruit and 4 species use stem. This shows the diversity of species composition, alive forms, used parts, medicinal uses of genetic resources in Ngoc Lac, Cam Thuy - Thanh Hoa.

Keywords: Diversity, genetic resources, medicinal plants, Ngoc Lac district, Cam Thuy district.

* Ngày nộp bài: 06/10/2022; Ngày gửi phản biện: 14/10/2022; Ngày duyệt đăng: 15/12/2022